TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **11**/2019/DS-PT
Ngày: 10- 4 - 2019
V/v:"Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Anh Dũng.

Các Thẩm phán: Ông La Minh Tường.

Ông Trần Hưng Bính.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tường Vy, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T-H tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Sinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 04 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh T-Hmở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 29/2018/TLPT- DS ngày 10/12/2018 về "Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất". Do bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 10/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện A L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2019/QĐ-PT ngày 14/3/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn A Đ, xã Hồng T, huyện A L, tỉnh T-H, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T-H; địa chỉ: Số 09 đường T, thành phố H, tỉnh T-H, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Hồ Văn P, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn A Đ, xã Hồng T, huyện A L, tỉnh T-H, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Hoài N. Luật sư của Công ty Luật hợp danh T. Địa chỉ: Số 70 đường P, phường T, thành phố H, tỉnh T-H, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Hồ Thị B1, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn TV, xã Hồng T, huyện A L, tỉnh T-H (*vắng mặt- Ủy quyền cho bà Lê Thị H)*

2. Chị Hồ Thị B2, sinh năm 1996; địa chỉ: Bản HL, xã PM, huyện PĐ, tỉnh T-H; (*vắng mặt- Ủy quyền cho bà Lê Thị H).*

Người đại diện hợp pháp của chị B1 và chị B2: Bà Lê Thị H, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn A Đ, xã HT, huyện A L, tỉnh T-H*; là người đại diện theo ủy quyền*

(Giấy ủy quyền ngày 04-8-2018), có mặt.

- *Người phiên dịch:* Ông Hồ Xuân H,sinh năm 1988, Dân tộc: TÔ địa chỉ: Thôn I R, xã HT, huyện A L, tỉnh T-H, có mặ

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Hộ bà Lê Thị H có thửa đất số 283, tờ bản đồ số 1, tại thôn A Đ, xã H T, huyện A L, tỉnh T-H; nguồn gốc do khai phá đất hoang. Năm 2007, thực hiện chủ trương cấp đất trên địa bàn, hộ gia đình bà đã đăng ký và đã được Ủy ban nhân dân huyện A L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 729246 ngày 26-8-2008 (Số vào sổ H00046 QSDĐ: Số 1291/QĐ-UBND/2008), diện tích 10530 m^2, mục đích sử dụng đất rừng sản xuất. Thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hộ bà có 03 thành viên là bà và hai người con đẻ là Hồ Thị B1 và Hồ Thị B2.

Đến năm 2012, phát hiện ông Hồ Văn P đã lấn chiếm diện tích thửa đất để trồng cây keo, bà có yêu cầu ông P sau khi khai thác cây keo thì trả lại đất nhưng đến năm 2016, sau khi khai thác lần đầu thì đến đầu năm 2017, ông P tiếp tục trồng cây keo.

Bà đã có yêu cầu Ủy ban nhân dân xã H T giải quyết. Ủy ban nhân dân xã H T tiến hành hòa giải hai lần nhưng không thành.

Ông P lấn chiếm đất là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp nên bà khởi kiện yêu cầu ông P phải khai thác, di chuyển toàn bộ cây keo trên đất, trả lại thửa đất số 283 tờ bản đồ số 01, diện tích 10.530 m^2 trị giá 10.000.000 đồng. Tài liệu chứng minh là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 729246 do Ủy ban nhân dân huyện A L cấp ngày 26-8-2008 và các Biên bản hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã H T. Trên cơ sở kết quả đo đạc và định giá, bà thay đổi diện tích đất yêu cầu ông P trả lại là 10.004 m^2, trị giá 22.008.800 đồng.

Bị đơn là ông Hồ Văn P không có yêu cầu phản tố. Tại Văn bản ngày 20-3-2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Hồ Văn P trình bày:

Ông đang trồng cây keo trên thửa đất số 283 tờ bản đồ số 01 tại thôn A Đ, xã H T, huyện A L, tỉnh T-H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26-8-2008 mang tên hộ bà Lê Thị H và bà H đang tranh chấp với ông. Đất đang tranh chấp thuộc khu vực đồi KD trước đây ông Hồ Văn G là bố đẻ của ông phát, trồng lúa khoảng năm 1992-1994 rồi bỏ hoang. Năm 2007, thực hiện chủ trương đo đạc cấp đất trên địa bàn thì ông và bà H xác định đất để đoàn cán bộ đo đạc tiến hành đo vẽ, lập thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hai bên trao đổi bằng lời nói với nhau chia diện tích đất cho hai hộ là ông và bà H, mỗi bên sử dụng một phía và có nhiều người chứng kiến. Thời điểm này đất chưa có ai sử dụng.

Sau khi đo đạc, ông đã phát dọn, trồng cây keo vào khoảng tháng 8-9 năm 2007. Đến tháng 8 năm 2008, khi nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông mới biết đất ở khu vực đồi KD mà ông với bà H thỏa thuận chia cho hai hộ thì còn

cấp thêm một thửa cho ông Hồ Văn S trong khi ông S không có mặt lúc đo đạc. Diện tích mà ông trồng cây keo đúng vị trí đất ông đã chỉ khi đo đạc. Diện tích đất mà bà H chỉ là vị trí đất sau này cấp cho ông Sống. Do đó, bà H khởi kiện ông để đòi lại đất là không đúng, ông không chấp nhận. Lẽ ra bà H phải kiện ông S để đòi lại đất.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Hồ Thị B1, Hồ Thị B2 trình bày thống nhất như sau:

Cả hai là con đẻ của bà Lê Thị H. Thửa đất số 283 được cấp Giấy chứng nhận cho hộ gia đình do bà H là chủ hộ. Thời điểm đo đạc, cấp Giấy chứng nhận thì cả hai đều còn nhỏ nên không biết về nguồn gốc đất và không tham gia vào việc quản lý, sử dụng đất. Cả hai đồng ý việc bà H khởi kiện và đã ủy quyền cho bà H.

Tại Biên bản xác minh ngày 11-4-2018, đại diện Ủy ban nhân dân xã H T cung cấp thông tin như sau: Trên cơ sở hồ sơ pháp lý cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thửa đất số 283, tờ bản đồ số 01 tại thôn A Đ, xã H T, huyện A L có tên người sử dụng là hộ bà Lê Thị H; nguồn gốc đất do bà H khai hoang và đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2007 theo chủ trương giao đất, giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân sản xuất lâm nghiệp trên địa bàn. Ủy ban nhân dân xã H T thành lập Ban chỉ đạo giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp, phối hợp với Xí nghiệp Trắc địa 102 đo vẽ, lập Biên bản xác nhận đo vẽ theo đúng ranh giới hành chính và trạng thái rừng, thẩm tra hồ sơ, xét duyệt và lập danh sách, niêm yết công khai, đề nghị Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện A L thẩm tra trình Ủy ban nhân dân huyện A L xem xét ban hành Quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 08-5-2018 thì thửa đất số 283 tờ bản đồ số 01 tại khoảnh 2 tiểu khu 301 thôn A Đ, xã H T, huyện A L, tỉnh T-Hdo ông Hồ Văn P trồng cây keo.

Kết quả đo đạc ngày 03-7-2018 và Bản trích đo địa chính khu đất của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện A L ngày 20-7-2018 thì phần diện tích ông P trồng cây keo tại thửa 283 là 10.004 m^2.

Tại Văn bản số: 556/UBND-TNMT ngày 30-7-2018 của Ủy ban nhân dân huyện A L trả lời ý kiến về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo yêu cầu của Tòa án như sau:

"1. Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 Quyết định số 08/2006/QĐ-BTNMT ngày 21-7-2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: *"Tên người sử dụng đất được ghi như sau: c) Trường hợp hộ gia đình được Nhà nước giao đất nông nghiệp hoặc được công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp thì ghi "Hộ ông" (hoặc "Hộ bà"), sau đó ghi họ, tên, năm sinh và số, ngày cấp, nơi cấp giấy chứng minh nhân dân, địa chỉ nơi thường trú của người đại diện hộ gia đình và của người vợ (hoặc chồng) người đại diện đó"*. Như vậy, bà Lê Thị H là người đại diện hộ gia đình gồm các thành viên có chung quyền sử dụng đất (Danh sách thành viên theo bản sao Sổ hộ khẩu).

2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Lê Thị H được cấp thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 50 của Luật Đất đai năm 2003.

Hộ bà Lê Thị H được Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp theo dự án cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đồng loạt trên địa bàn huyện và trình tự, thủ tục cấp giấy được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Kèm theo Văn bản số 556/UBND-TNMT là bản sao Đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lê Thị H, Biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới thửa đất và Sổ hộ khẩu gia đình."

Theo Biên bản định giá tài sản ngày 28-8-2018 của Hội đồng định giá tài sản do Tòa án thành lập thì giá trị quyền sử dụng đất thửa 283 là 2.200 đồng/m^2 x 10004 m^2 = 22.008.800 đồng; giá trị cây keo là 2.000 đồng/m^2 x 10.004 m^2 = 20.008.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Thửa đất số 283, tờ bản đồ số 1, diện tích 10530 m^2 tại thôn A Đ, xã H T, huyện A L, tỉnh T-Hđược Ủy ban nhân dân huyện A L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Lê Thị H vào ngày 26-8-2008. Theo các tài liệu có trong hồ sơ thì việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng pháp luật. Bà H có quyền sử dụng đất hợp pháp nhưng ông P đã lấn chiếm, sử dụng thửa đất của bà H để trồng cây keo. Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc thì diện tích ông P đã sử dụng tại thửa đất 283 là 10.004 m^2 và được định giá là 22.008.800 đồng. Ông P đã xâm phạm quyền sử dụng đất hợp pháp của bà H. Do đó, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc ông P phải trả lại diện tích đất 10.004 m^2 cho hộ bà H và ông P phải có trách nhiệm di dời toàn bộ cây keo trồng trên diện tích thửa đất để trả lại đất.

Tại bản án số15/2018/DS-ST ngày 10/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện A L đã quyết định như sau:

Áp dụng Điều 164, khoản 1 Điều 166, Điều 168 và 169 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 166 và khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 37 và khoản 3 Điều 50 của Luật Đất đai năm 2003; khoản 2 Điều 123 của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29-10-2004 của Chính P về thi hành Luật Đất đai; Khoản 2 Điều 26 và điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc bị đơn là ông Hồ Văn P phải trả lại diện tích đất 10004 m^2 có giá trị 22.008.800 đồng thuộc thửa số 283 tờ bản đồ số 1 tại thôn A Đ, xã H T, huyện A L, tỉnh T-Hcho hộ bà Lê Thị H (Thuộc phần A của Bản trích lục địa chính khu đất kèm theo).

- Buộc bị đơn là ông Hồ Văn P phải thực hiện việc khai thác, di chuyển toàn bộ cây keo trồng trên diện tích đất 10004 m^2 thuộc thửa số 283 tờ bản đồ số 1 tại thôn A Đ, xã H T, huyện A L, tỉnh T-Hđã được Ủy ban nhân dân huyện A L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 729246 cho hộ bà Lê Thị H.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quy định về án phí; chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc, lập bản vẽ; chi phí định giá tài sản; quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/10/2018, bị đơn ông Hồ Văn P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 10/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện A L, với nội dung:

- Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện A L vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, bỏ sót người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là vợ ông là bà Hồ Thị Đ - là người trực tiếp bỏ tiền ra cùng với tôi khai phá thửa đất, thuê người trồng cây và chăm sóc cây trên thửa đất có tranh chấp, chưa đánh giá toàn diện khách quan gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông P, cụ thể:

+Tòa án sơ thẩm chưa đánh giá toàn diện, khách quan và đúng quy định pháp luật đối với nội dung vụ án, không xem xét đến việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 729246 do UBND huyện A L cấp ngày 26/8/2008 bà Lê Thị H là không đúng quy định của Pháp luật, không đúng hiện trạng ranh giới và đối tượng sử dụng đất.

+ Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả lại đất nhưng không xem xét đến công sức gìn giữ, phát khai hoang và tôn tạo tài sản của bị đơn gây ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình bị đơn. Trên đất tranh chấp có cây bị đơn trồng chưa được 02 năm tuổi, chưa đủ tuổi để thu hoạch lấy gỗ nên không thể khai thác cây và di chuyển cây ra khỏi đất tranh chấp được.

+ Vợ chồng ông P kết hôn năm 2005, toàn bộ khu đất tranh chấp do vợ chồng cùng vay mượn tiền để sản xuất, tài sản tên đất là của 2 vợ chồng thế nhưng trong quá trình giải quyết vụ án không đưa vợ ông là Hồ Thị Đ vào tham gia tố tụng. Tòa án cấp sơ thẩm buộc tôi phải khai thác và di chuyển toàn bộ cây cối trên thửa đất tranh chấp thì tôi không thể thực hiện được vì tôi chỉ có quyền sở hữu đối với ½ tài sản trên đất tranh chấp.

- Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 10/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện A L.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Hồ Văn P đề nghị bà Lê Thị H thanh toán toàn bộ giá trị cây keo trên đất tranh chấp là 30.000.000đ cho vợ chồng ông P thì vợ chồng ông P trả lại đất cho bà H, hoặc phía ông P mua lại giá trị quyền sử dụng đất tranh chấp là 15.000.000đ nhưng bà H không đồng ý.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh có ý kiến:

Về kiểm sát tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án,Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong vụ án đều tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, không vi phạm gì cần phải kiến nghị để khắc phục.

Về nội dung giải quyết vụ án: Quá trình xem xét giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã bỏ sót người có QLNVLQ là bà Hồ Thị Đ vợ của ông Hồ Văn P vào tham gia tố tụng. Bà Đ có tên trong Giấy chứng nhận QSDĐ theo hộ gia đình, Tòa án sơ thẩm buộc ông P khai thác di dời rừng trồng trên đất lâm nghiệp có tranh chấp với hộ bà H liên quan đến tài sản của bà Đ là ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của bà Đ. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà Đ vào tham tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 10/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện A L.

Quan điểm của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn- Ông Nguyễn Văn Ct, cho rằng: Bị đơn kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm bỏ sót người có QLNVLQ là bà Hồ Thị Đ vợ của ông Hồ Văn P, không đưa bà Đ vào tham gia tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Đ là không có căn cứ. Bởi vì quá trình làm việc tại cấp sơ thẩm ông P khai cây trên đất tranh chấp do ông P trồng chứ không khai bà Đ là người cùng trồng. Thửa đất số 283, tờ bản đồ số 1, diện tích 10530 m^2 tại thôn A Đ, xã H T, huyện A L, tỉnh T-H được Ủy ban nhân dân huyện A L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Lê Thị H vào ngày 26-8-2008 là đúng pháp luật. Bà H có quyền sử dụng đất hợp pháp nhưng ông P đã lấn chiếm, sử dụng thửa đất của bà H để trồng cây keo. Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc thì diện tích ông P đã sử dụng tại thửa đất 283 là 10.004 m^2 và được định giá là 22.008.800 đồng. Ông P đã xâm phạm quyền sử dụng đất hợp pháp của bà H. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Hồ Văn P và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn - Ông Nguyễn Hoài N, cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã bỏ sót người có QLNVLQ là bà Hồ Thị Đ vợ của ông Hồ Văn P vào tham gia tố tụng. Bà Đ có tên trong Giấy chứng nhận QSDĐ theo hộ gia đình, Quyền sử dụng đất tranh chấp và tài sản cây rừng trên đất tranh chấp là tài sản chung của vợ chồng ông P và bà Đ theo luật hôn nhân và gia đình. Tòa án sơ thẩm buộc ông P khai thác di dời rừng trồng có tranh chấp với hộ bà H liên quan đến tài sản của bà Đ là ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của bà Đ. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà Đ vào tham tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Tòa án sơ thẩm chưa đánh giá toàn diện, khách quan, không xem xét đến việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 729246 do UBND huyện A L cấp cho bà Lê Thị H không đúng hiện trạng ranh giới và đối tượng sử dụng đất, không xem xét đến công sức gìn giữ, phát khai hoang và tôn tạo tài sản của bị đơn gây ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 10/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện A L.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh luận, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[1] Xét đơn kháng cáo của bị đơn - ông Hồ Văn P về thủ tục tố tụng và đề nghị hủy bản án sơ thẩm, thấy rằng:

Bà Lê Thị H khởi kiện ông Hồ Văn P yêu cầu trả lại diện tích đất bị lấn chiếm 10004 m^2 thuộc thửa đất số 283 tờ bản đồ số 1 tại thôn A Đ, xã H T, huyện A L, tỉnh T-Hdo ông P trồng cây keo lấn chiếm đất của bà H, đồng thời yêu cầu ông P di dời toàn bộ số cây keo của ông P có giá trị 20.008.000đồng đang trồng trên thửa đất của bà H. Cấp sơ thẩm đã giải quyết và quyết định: Buộc bị đơn là ông Hồ Văn P phải trả lại diện tích đất 10004 m^2 có giá trị 22.008.800 đồng thuộc thửa số 283 tờ bản đồ số 1 tại thôn A Đ, xã H T, huyện A L, tỉnh T-Hcho hộ bà Lê Thị H; Buộc ông Hồ Văn P phải thực hiện việc khai thác, di chuyển toàn bộ cây keo trồng trên diện tích đất 10004 m^2 thuộc thửa số 283 tờ bản đồ số 1 tại thôn A Đ, xã H T, huyện A L, tỉnh T-Hđã được Ủy ban nhân dân huyện A L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 729246 cho hộ bà Lê Thị H;

Theo đơn kháng cáo của ông Hồ Văn P và theo đơn khiếu nại của Bà Hồ Thị Đ (có kèm theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 27/5/2005, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 729233 ngày 26/8/2008 và sổ hộ khẩu đều có tên Hồ Văn P và Hồ Thị Đ), thì bà Đ là vợ của ông P cũng đồng thời là chủ sở hữu của tài sản là cây cối trên đất tranh chấp. Tòa án sơ thẩm quyết định về cây cối trên đất tranh chấp có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp về tài sản của bà Đ, lẽ ra quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm phải đưa bà Đ vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để giải quyết vấn đề tài sản trên đất liên quan đến sở hữu của bà Đ. Tòa án cấp sơ thẩm không xác định bà Đ vào tham gia tố tụng trong vụ án là đã bỏ sót người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà Đ vào tham tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, tước đi quyền định đoạt và quyền kháng cáo của bà Đ đối với tài sản của bà Đ mà Tòa sơ thẩm đã giải quyết. Do cấp sơ thẩm đã bỏ sót người tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm không thể khắc phục được sai sót về tố tụng của cấp sơ thẩm nên cần chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Văn P về vi phạm tố tụng của cấp sơ thẩm.

Cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số15/2018/DS-ST ngày 10/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện A L. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện A L giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hồ Văn P không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308; khoản 2 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án,tuyên xử:

1. Hủy toàn bộ bản án Dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 10/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện A L, tỉnh T-Hvề việc "Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất", giữa:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị H.

Bị đơn: Ông Hồ Văn P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Hồ Thị B1 và chị Hồ Thị B2.

2. Giao toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện A L, tỉnh T-Hgiải quyết lại vụ án theo trình tự, thủ tục chung.

3. Về án phí:

Án phí sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm sẽ quyết định khi giải quyết lại vụ án.

Án phí phúc thẩm: Các bên đương sự không phải chịu. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí kháng cáo cho ông Hồ Văn P 300.000đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 004210 ngày 31/10/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện A L.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

TÔN ANH DŨNG

Nơi nhận:
- *TAND cấp cao*
- *VKSND tỉnh;*
- *TAND huyện A L;*
- *THA huyện A L;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu Tòa Dân sự.*